

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công khai Danh mục TTHC trong lĩnh vực Nông nghiệp và PTNT
thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện và UBND cấp xã
áp dụng trên địa bàn huyện Yên Thành**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THÀNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương số 47/2019/QH14 ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 2143/QĐ-UBND ngày 28/6/2021 của UBND tỉnh Nghệ An về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và PTNT, UBND huyện, UBND xã trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Quyết định số 2479/QĐ-UBND ngày 19/8/2022 của UBND tỉnh Nghệ An về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Nông nghiệp và PTNT thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND huyện;

Căn cứ Quyết định số 4824/QĐ-UBND ngày 10/12/2021 của UBND tỉnh Nghệ An về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực Nông nghiệp và PTNT thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và PTNT, Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Quyết định số 1191/QĐ-UBND ngày 28/4/2023 của UBND tỉnh Nghệ An về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực Nông nghiệp và PTNT thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và PTNT, Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Quyết định số 1796/QĐ-UBND ngày 26/6/2023 của UBND tỉnh Nghệ An Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải

quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Xét đề nghị của Ban chỉ đạo ISO huyện; Trưởng phòng Nông nghiệp và PTNT huyện,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai kèm theo Quyết định này gồm 28 danh mục thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Nông nghiệp và PTNT thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện, cấp xã áp dụng trên địa bàn huyện Yên Thành.

- 18 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện.
- 10 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Bãi bỏ Quyết định số 2191/QĐ-UBND ngày 15/6/2023 của UBND huyện Yên Thành về việc công khai Danh mục TTHC trong lĩnh vực Nông nghiệp và PTNT thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện và UBND cấp xã áp dụng trên địa bàn huyện Yên Thành.

Điều 3: Chánh Văn phòng HĐND - UBND huyện, Trưởng Phòng Nông nghiệp và PTNT, Chủ tịch UBND các xã, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Công thông tin điện tử;
- Lưu: VT, NN

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Dương

DANH MỤC
28 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT
THỰC HIỆN TẠI HUYỆN YÊN THÀNH
(Kèm theo QĐ số /QĐ-UBND ngày / /2023 của UBND huyện Yên Thành)

TT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
A	CẤP HUYỆN (18 thủ tục)
1	Thủ tục Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)
2	Thủ tục Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)
3	Bảng xác nhận kê khai lâm sản
4	Thủ tục Phê duyệt, Điều chỉnh, thiết kế dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định đầu tư)
5	Xác nhận nguồn gốc gỗ trước khi xuất khẩu
6	Phê duyệt phương án khai thác thực vật rừng loài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện
7	Thủ tục Kiểm tra công tác nghiệm thu công trình
8	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND huyện
9	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND huyện (từ địa bàn 02 xã trở lên)
10	Thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn hồ đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của UBND huyện
11	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân huyện (trên địa bàn hai xã trở lên)
12	Thẩm định, điều chỉnh quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND tỉnh phân cấp
13	Thủ tục Hỗ trợ dự án liên kết
14	Thủ tục Hỗ trợ chi phí mua sắm, máy móc, thiết bị, chuyển giao công nghệ, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất sản phẩm OCOP; xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị bảo quản, trang trí điểm cho đơn vị thực hiện việc giới thiệu và bán các sản phẩm OCCOP; thiết kế, mua bao bì thương phẩm, mua nhãn hàng hóa.
15	Thủ tục Hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng
16	Thủ tục Phê duyệt Kế hoạch khuyến nông địa phương
17	Thủ tục Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản

18	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản (trường hợp trước 06 tháng tính đến ngày giấy chứng nhận an toàn thực phẩm hết hạn)
B	CẤP XÃ (10 thủ tục)
1	Đăng ký chuyển đổi cơ cấu cây trồng từ đất trồng lúa
2	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương
3	Đăng ký kê khai hoạt động chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản ban đầu
4	Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do dịch bệnh
5	Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai
6	Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm (đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện)
7	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã
8	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã
9	Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp thiên tai cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội
10	Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THÀNH

DANH MỤC
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH VỀ LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN, ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN YÊN THÀNH
(Ban hành kèm theo Quyết định số _____/QĐ-UBND ngày ____/____/2023 của UBND huyện Yên Thành)

A	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN					
I. LĨNH VỰC THỦY SẢN						
ST T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (Nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
1	Thủ tục Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, UBND huyện thông báo Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản trên phương tiện thông tin đại chúng, niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã và khu dân cư nơi dự kiến thực hiện đồng quản lý; - Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày thông báo theo quy định, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế (nếu cần), ban hành quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng	Nộp Hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, Ủy ban nhân dân cấp huyện - Nộp qua đường Bưu điện đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, Ủy ban nhân dân cấp huyện - Hoặc nộp trực tuyến tại địa chỉ: http://dichvucong.nghean.gov.vn	Không	- Luật Thủy sản ngày 21/11/2017; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 quy định chi tiết một số Điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.	Nội dung điều chỉnh: Thay đổi địa điểm thực hiện do bổ sung cách thức thực hiện nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ: http://dichvucong.nghean.gov.vn

		đồng.				
2	Thủ tục Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	- Đối với trường hợp thay đổi tên tổ chức cộng đồng, người đại diện tổ chức cộng đồng, Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng: Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ. - Đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung vị trí, ranh giới khu vực địa lý được giao; phạm vi quyền được giao; phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản: 63 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Nộp Hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, Ủy ban nhân dân cấp huyện - Nộp qua đường Bưu điện đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, Ủy ban nhân dân cấp huyện - Hoặc nộp trực tuyến tại địa chỉ: http://dichvucong.nghean.gov.vn	Không	- Luật Thủy sản ngày 21/11/2017; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 quy định chi tiết một số Điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.	<i>Nội dung điều chỉnh:</i> Thay đổi địa điểm thực hiện do bổ sung cách thức thực hiện nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ: http://dichvucong.nghean.gov.vn
II. LĨNH VỰC KIỂM LÂM						
1	Thủ tục Xác nhận bảng kê lâm sản	- Trường hợp không phải xác minh: 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp phải xác minh: 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp xác minh có nhiều nội dung phức tạp: Không quá 08 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Nộp Hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, Ủy ban nhân dân cấp huyện - Nộp qua đường Bưu điện đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, Ủy ban nhân dân cấp huyện - Hoặc nộp trực tuyến tại địa chỉ:	Không	- Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017; - Nghị định 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Lâm nghiệp; - Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quản lý, truy xuất	<i>Nội dung điều chỉnh:</i> Thay đổi thời gian giải quyết, địa điểm thực hiện và căn cứ pháp lý do thay đổi Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quản

			http://dichvucong.nghean.gov.vn		nguồn gốc lâm sản .	lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản thay thế Thông tư số 27/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018.
2	Thủ tục Phê duyệt, điều chỉnh, thiết kế dự toán công trình lâm sinh (Đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định đầu tư)	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Nộp hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, Ủy ban nhân dân cấp huyện - Nộp qua đường Bưu điện đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, Ủy ban nhân dân cấp huyện - Nộp qua môi trường mạng	Không	- Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017. - Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung đầu tư công trình lâm sinh.	
3	Xác nhận nguồn gốc gỗ trước khi xuất khẩu	- 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định; - Trường hợp có thông tin vi phạm: 06 ngày làm việc.	Nộp hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện - Nộp qua môi trường mạng	Không	Điều 9 Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01/9/2020 của Chính phủ quy định Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam	<i>Thủ tục được công bố lần đầu</i> Căn cứ QĐ số 044/QĐ-BNN-TCLN ngày 4/10/2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố TTHC mới ban hành lĩnh vực lâm nghiệp
4	Thủ tục Phê duyệt Phương án khai thác thực vật rừng loài thông thường thuộc	10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Nộp Hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp tại Bộ	Không	- Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp	<i>Thủ tục được công bố lần đầu</i> Căn cứ Quyết định

	thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện		phận Tiếp nhận và Trả kết quả, Ủy ban nhân dân cấp huyện - Nộp qua đường Bru điện đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, Ủy ban nhân dân cấp huyện - Hoặc nộp trực tuyến tại địa chỉ: http://dichvucong.nghean.gov.vn		và Phát triển nông thôn về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản.	số 374/QĐ-BNN-TCLN ngày 09/01/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bãi bỏ lĩnh vực lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
--	---	--	---	--	--	--

III. LĨNH VỰC QUẢN LÝ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

1	Thủ tục Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình	20 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ quy định	Nộp hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, Ủy ban nhân dân cấp huyện	Theo dự toán được chủ đầu tư phê duyệt	- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật xây dựng sửa đổi, bổ sung số 62/2020/QH14 - Điều 23, 24 Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; - Căn cứ Quyết định số	<i>Thủ tục được điều chỉnh:</i> <i>Từ “Thủ tục Thẩm định và phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công - dự toán hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình thuộc lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn” thành 2 TTHC, cụ thể:</i> <i>+ “Thủ tục Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình hoặc công</i>
---	--	---	--	--	---	--

					23/2016/QĐ-UBND ngày 20/01/2017 ban hành Quy định phân công, phân cấp trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Nghệ An.	<i>trình xây dựng để đưa vào sử dụng”</i> căn cứ: Luật xây dựng sửa đổi, bổ sung số 62/2020/QH14; Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ; Quyết định số 23/2016/QĐ-UBND ngày 20/01/2017 của UBND tỉnh NA + “<i>Thủ tục Thẩm định, thẩm định điều chỉnh báo cáo kinh tế - Kỹ thuật đầu tư xây dựng</i>” căn cứ: Luật xây dựng sửa đổi, bổ sung số 62/2020/QH14; Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 3/3/2021 của Chính phủ; Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 9/2/2021 của Chính phủ; QĐ số 41/2017/QĐ-UBND ngày 05/4/2017 của UBND tỉnh Nghệ An”.
IV LĨNH VỰC THỦY LỢI						
1	Thủ tục Thẩm định, phê duyệt quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi do UBND tỉnh phân cấp (Ủy ban nhân	Trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Nộp hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả,	Không	- Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017; - Nghị định 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an	

	dân cấp huyện phê duyệt)		Ủy ban nhân dân cấp huyện - Nộp qua đường Bưu điện đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, Ủy ban nhân dân cấp huyện		toàn đập, hồ chứa nước; - Thông tư 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chi tiết một số Điều của Luật thủy lợi.	
2	Thủ tục Thẩm định, phê duyệt, Điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện	Trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Nộp Hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, Ủy ban nhân dân cấp huyện - Nộp qua đường Bưu điện đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, Ủy ban nhân dân cấp huyện	Không	- Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017; - Khoản 1, điểm d khoản 2, điểm c khoản 4, khoản 6, điểm c khoản 7- Điều 12, Nghị định 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.	
3	Thủ tục Thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Nộp Hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, Ủy ban nhân dân cấp huyện - Nộp qua đường Bưu điện đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, UBND cấp huyện	Không	- Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017; - Khoản 1, điểm c khoản 2, khoản 4- Điều 19, Nghị định 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.	
4	Thủ tục Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân huyện	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Nộp hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, Ủy ban nhân dân cấp huyện - Nộp qua đường Bưu điện	Không	- Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017; - Khoản 1, khoản 3, điểm b khoản 4, điểm b khoản 5 - Điều 7, Nghị định 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ	

	(trên địa bàn hai xã trở lên)		đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, Ủy ban nhân dân cấp huyện		về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.	
5	Thủ tục Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân huyện (trên địa bàn 02 xã trở lên)	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Nộp Hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, Ủy ban nhân dân cấp huyện - Nộp qua đường Bưu điện đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, Ủy ban nhân dân cấp huyện	Không	- Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017; - Khoản 1, khoản 3, điểm b khoản 4, điểm b khoản 5 - Điều 26, Nghị định 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.	

V. LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

1	Thủ tục Hỗ trợ dự án liên kết	25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Nộp hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, Ủy ban nhân dân cấp huyện - Nộp qua đường Bưu điện đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, Ủy ban nhân dân cấp huyện	Không	Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.	
2	Thủ tục Hỗ trợ chi phí mua sắm, máy móc, thiết bị, chuyển giao công nghệ, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất sản phẩm OCOP; xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị bảo quản, trang	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định)	Nộp hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, Ủy ban nhân dân cấp huyện - Nộp qua đường Bưu điện đến Bộ phận Tiếp nhận và	Không	Nghị quyết số 25/2020/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 của HĐND tỉnh Quy định một số Chính sách hỗ trợ thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) trên địa bàn tỉnh Nghệ An, giai đoạn 2021-2025.	

	trí điểm cho đơn vị thực hiện việc giới thiệu và bán các sản phẩm OCOP; thiết kế, mua bao bì thương phẩm, mua nhãn hàng hóa		Trả kết quả, Ủy ban nhân dân cấp huyện			
3	Thủ tục Hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng	17 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định.	Nộp hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, Ủy ban nhân dân cấp huyện - Nộp qua đường Bưu điện đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, Ủy ban nhân dân cấp huyện	Không	Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND ngày 12/11/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh Nghệ An.	
VI. LĨNH VỰC KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG						
1	Thủ tục Phê duyệt Kế hoạch khuyến nông địa phương	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Nộp hồ sơ trước 30/9 hàng năm, theo một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, Ủy ban nhân dân cấp huyện	Không	Nghị định 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về khuyến nông.	

			- Nộp qua đường Bưu điện đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, Ủy ban nhân dân cấp huyện			
VII. LĨNH VỰC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN						
1	Thủ tục Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Nộp Hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện. Hoặc nộp trực tuyến tại địa chỉ: http://dichvucong.nghean.gov.vn	- Thẩm định cấp giấy chứng nhận an toàn thực phẩm : 700.000đồng/lần (Quy định tại Điều 5 kèm theo Thông tư số 44/2018/T-T-BTC ngày 07/5/2018)	- Luật An toàn thực phẩm ngày 17/6/2010; - Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm; - Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc Quy định việc thẩm định chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Thông tư 286/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp quản lý	<i>Nội dung điều chỉnh:</i> - Thay đổi thời hạn giải quyết; phí, lệ phí và căn cứ pháp lý do bổ sung Thông tư số 32/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về sửa đổi, bổ sung một số Thông tư quy định thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

					và sử dụng phí thẩm định quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp; - Thông tư số 44/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 286/2016/TT-BTC; - Thông tư số 32/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về sửa đổi, bổ sung một số Thông tư quy định thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Quyết định số 569/QĐ-UBND ngày 28/2/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An về phân công thực hiện quản lý an toàn thực phẩm thuộc phạm vi	
--	--	--	--	--	--	--

					quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Nghệ An.	
2	Thủ tục Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản (trường hợp trước 06 tháng tính đến ngày giấy chứng nhận an toàn thực phẩm hết hạn)	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Nộp Hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện. Hoặc nộp trực tuyến tại địa chỉ: http://dichvucong.nghean.gov.vn	- Thẩm định cấp giấy chứng nhận an toàn thực phẩm : 700.000đồng/lần (Quy định tại Điều 5 kèm theo Thông tư số 44/2018/T T-BTC ngày 07/5/2018)	- Luật An toàn thực phẩm ngày 17/6/2010; - Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm; - Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc Quy định việc thẩm định chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Thông tư 286/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp quản lý và sử dụng phí thẩm định quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm trong	<i>Nội dung điều chỉnh:</i> - Thay đổi thời hạn giải quyết; phí, lệ phí và căn cứ pháp lý do bổ sung Thông tư số 32/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về sửa đổi, bổ sung một số Thông tư quy định thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

					lĩnh vực nông nghiệp; - Thông tư số 44/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 286/2016/TT-BTC; - Thông tư số 32/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về sửa đổi, bổ sung một số Thông tư quy định thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Quyết định số 569/QĐ-UBND ngày 28/2/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An về phân công thực hiện quản lý an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Nghệ An.	
--	--	--	--	--	--	--

B	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ					
I. LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT						
1	Thủ tục Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Nộp hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, Ủy ban nhân dân cấp xã - Nộp qua đường Bưu điện đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, Ủy ban nhân dân cấp xã - Nộp qua môi trường mạng	Không	- Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14 ngày 19/11/2018; - Nghị định số 94/NĐ-CP ngày 13/12/2019 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết một số Điều của Luật Trồng trọt về giống cây trồng và canh tác.	
II. LĨNH VỰC KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG						
1	Thủ tục Phê duyệt Kế hoạch khuyến nông địa phương	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Nộp hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, Ủy ban nhân dân cấp xã - Nộp qua đường Bưu điện đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, Ủy ban nhân dân cấp xã - Nộp qua môi trường mạng	Không	Nghị định 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về khuyến nông.	

III. LĨNH VỰC PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI					
1	Thủ tục Đăng ký kê khai số lượng chăn nuôi tập trung và nuôi trồng thủy sản ban đầu	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định đối với các hộ chăn nuôi tập trung. Các hộ nuôi trồng thủy sản thực hiện kê khai và được xác nhận ngay khi thực hiện nuôi trồng	Nộp hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, Ủy ban nhân dân cấp xã - Nộp qua đường Bưu điện đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, Ủy ban nhân dân cấp xã - Nộp qua môi trường mạng	Không	Nghị định 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh.
2	Thủ tục Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do dịch bệnh	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định, Ủy ban nhân dân cấp xã phải có ý kiến trả lời bằng văn bản hoặc thông báo kết quả giải quyết cho các hộ sản xuất trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương	Nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	Nghị định 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh. <i>Nội dung điều chỉnh:</i> Thay đổi tên thủ tục hành chính từ “Hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do dịch bệnh” thành “Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do dịch bệnh” cho phù hợp với tên trên Hệ thống dịch vụ công quốc gia.
3	Thủ tục Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy	Nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả,	Không	Nghị định 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của <i>Nội dung điều</i>

	thiệt hại do thiên tai	định, Ủy ban nhân dân cấp xã phải có ý kiến trả lời bằng văn bản hoặc thông báo kết quả giải quyết cho các hộ sản xuất trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương	Ủy ban nhân dân cấp xã		Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh.	<i>chính:</i> Thay đổi tên thủ tục hành chính từ “Hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai” thành “Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai” cho phù hợp với tên trên Hệ thống dịch vụ công quốc gia.
4	Thủ tục Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội.	25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn, hồ sơ theo quy định, cụ thể: - 10 ngày làm việc đối với Ủy ban nhân dân cấp xã; - 05 ngày làm việc đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện;	Nộp Hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, Ủy ban nhân dân cấp xã - Nộp qua đường Bưu điện đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, Ủy ban nhân dân cấp xã - Hoặc nộp trực tuyến tại địa chỉ: http://dichvucong.nghean.gov.vn	Không	Điều 35, Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật đê điều.	<i>Thủ tục được công bố lần đầu</i> Căn cứ Quyết định số 3461/QĐ-BNN-PCTT ngày 04/08/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính thay thế trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát

						triển nông thôn.
5	Thủ tục Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội.	30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn, hồ sơ theo quy định, cụ thể: - 10 ngày làm việc đối với Ủy ban nhân dân cấp xã; - 05 ngày làm việc đối Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; - 05 ngày làm việc đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; - Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ trả trợ cấp cho đối tượng được hưởng: 10 ngày làm việc. Đối với các trường hợp không đủ điều kiện, hóa đơn, giấy tờ theo quy định hoặc không hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đề nghị, cơ quan cấp tỉnh, huyện, cấp xã phải có văn bản hướng dẫn gửi người nộp đơn để bổ sung, hoàn thiện.	Nộp Hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, Ủy ban nhân dân cấp xã - Nộp qua đường Bưu điện đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, Ủy ban nhân dân cấp xã - Hoặc nộp trực tuyến tại địa chỉ: http://dichvucong.nghean.gov.vn	Không	Điều 35, Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật đê điều.	<i>Thủ tục được công bố lần đầu</i> Căn cứ Quyết định số 3461/QĐ-BNN-PCTT ngày 04/08/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính thay thế trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
IV. LĨNH VỰC THỦY LỢI						
1	Thủ tục Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiêu	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định.	Nộp đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	- Luật Thủy lợi số 08/2007/QH14 ngày 19/6/2017 - Khoản b, Điều 9 Nghị	

	tiền, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện)				định số 77/2018/NĐ-CP ngày 16/5/2018 của Chính phủ quy định hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước.	
2	Thủ tục Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định.	Nộp Hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, Ủy ban nhân dân cấp xã - Nộp qua đường Bưu điện đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Khoản 1, khoản 3, điểm a khoản 4, điểm a khoản 5 - Điều 7, Nghị định 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.	
3	Thủ tục Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định.	Nộp Hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, Ủy ban nhân dân cấp xã - Nộp qua đường Bưu điện đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, UBND cấp xã	Không	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017 - Khoản 1, khoản 3, điểm a khoản 4, điểm a khoản 5 - Điều 26, Nghị định 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ.	